

Số: 265/2020/QĐST-HNGĐ

S, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 254/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
 - * *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
 - + Bà Nguyễn Thị V - sinh năm 1970; trú tại: phòng 212, Chung cư 2C, tổ 102, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng.
 - + Ông Phạm Văn C (Phạm Văn C) - sinh năm 1970; trú tại: số nhà 110 Bùi Huy Bích, tổ 67, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 12 năm 2020, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 1998, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện (giấy đăng ký kết hôn số 95, quyển số 01/1998 do UBND phường N, quận S, Tp. Đà Nẵng cấp ngày 17/4/1998). Quá trình chung sống vợ chồng ông bà thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi vã

xúc phạm nhau và đã sống ly thân từ năm 2013 không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đã thống nhất ly hôn nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai ông bà.

[2] Về con chung: bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C xác định có 02 con chung là Phạm Văn J, sinh ngày 24/04/1990 (đã chết) và Phạm Văn T, sinh ngày 25/01/2004. Ly hôn, vợ chồng ông bà thống nhất giao con Phạm Văn T cho mẹ Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C (Phạm Văn C) phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp tại biên lai thu số 0006430 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C (Phạm Văn C) thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy đăng ký kết hôn số 95, quyển số 01/1998 do UBND phường N, quận S, Tp. Đà Nẵng cấp ngày 17/4/1998).

* Về con chung: bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C xác định có 02 con chung là Phạm Văn J, sinh ngày 24/04/1990 (đã chết) và Phạm Văn T, sinh ngày 25/01/2004. Ly hôn, ông bà thống nhất giao con Phạm Văn T cho mẹ Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn C phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp tại biên lai thu số 0006430 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDQ. S;
- Các đương sự;
- CC THADSQ. S;
- UBND phường N ,
quận S , thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa